

THANH ĐIỀU VIỆT Ở NHỮNG CÁ THỂ SONG NGỮ KHMER-VIỆT VÙNG NAM BỘ

NGUYỄN THỊ HUỆ

(NCS ĐHKHXH & NV Tp Hồ Chí Minh)

NGUYỄN VĂN LỢI

(GS.TS, Viện Từ điển học và Bách khoa thư VN)

1. Mở đầu

1.1. Đặt vấn đề

Cộng đồng dân tộc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long – một trong 54 dân tộc ở nước ta – có vị trí quan trọng trong công cuộc dựng xây và bảo vệ tổ quốc Việt Nam. Từ lâu, ở Nam Bộ, trạng thái song ngữ Khmer - Việt (người Khmer sử dụng đồng thời tiếng Khmer và tiếng Việt), và song ngữ Việt - Khmer (Người Kinh sử dụng đồng thời tiếng Việt và tiếng Khmer) là hiện tượng tương đối phổ biến. Hiện nay, trong công cuộc phát triển kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội ở Nam Bộ nói chung và trong cộng đồng dân tộc Khmer nói riêng, việc phát triển các hình thái song ngữ trên là nhiệm vụ có tính cấp bách.

Do những khác biệt trong cơ cấu ngữ âm - âm vị học tiếng Khmer và tiếng Việt, việc tri nhận và phát âm thanh điệu tiếng Việt là vấn đề tương đối khó khăn đối với các cá thể song ngữ Khmer - Việt. Vì vậy khả năng sử dụng (phát âm và viết đúng) thanh điệu Việt có thể được xem như một trong các tiêu chí đánh giá mức độ thành thạo tiếng Việt của cá thể song ngữ Khmer - Việt. Đồng thời, việc khắc phục những khó khăn trong việc sử dụng thanh điệu Việt của học sinh Khmer trong nhà trường chính là một biện pháp thúc đẩy phát triển một cách có định hướng, chủ động và tích cực hình thái song ngữ Khmer - Việt.

Bài báo này có mục đích bài báo này tìm hiểu khả năng tri nhận và phát âm thanh điệu Việt của người Khmer Nam Bộ.

1.2. Tư liệu nghiên cứu

Để tìm hiểu khả năng phát âm thanh điệu Việt, 7 người Khmer ở Trà Vinh (cộng tác viên –

CTV) có trình độ văn hóa (tiếng Việt và tiếng Khmer) khác nhau được yêu cầu đọc băng từ thử tiếng Việt với các thanh (dấu giọng) khác nhau. Các phát ngôn được ghi bằng máy tính qua microphone. Sau đây là danh sách CTV:

1. Thạch Kim Hải, nam, sinh năm 1975, trình độ văn hóa phổ thông 9/12, biết chữ Khmer.
2. Thạch Thị Đan, nữ, sinh năm 1965, không biết chữ Quốc ngữ, làm nông nghiệp.
3. Thạch Thị Hon, nữ, sinh năm 1962, không biết chữ Quốc ngữ, làm nông nghiệp.
4. Kim Thị Nhung, nữ, sinh năm 1953, trình độ văn hóa 6/12, không biết chữ Khmer. Giáo viên tiểu học.
5. Thạch Thon, nam, sinh năm 1953, không biết chữ Quốc ngữ, biết chữ Khmer, làm nông nghiệp.
6. Thạch Thị Sanh, nữ, sinh năm 1984, học hết lớp 5 phổ thông, không biết chữ Khmer, làm nông nghiệp.
7. Kim Thị Sol, nữ, sinh năm 1964, học hết lớp 5 phổ thông, làm nông nghiệp.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Đặc trưng âm học của thanh điệu Việt do các cộng tác viên cá thể song ngữ Khmer - Việt phát âm được phân tích và miêu tả bằng các phần mềm chuyên dụng phân tích tiếng nói WINCECIL 2.2.b (SIL, JAARS, Waxhaw, NC, USA), PRAAT 5.05.12. (copyright @ 1992-2008 by Paul Boersma and David Weenink).

Điều trị – giá trị ngữ âm - âm vị học về cao độ của thanh điệu – được xác định bằng thang 5 bậc: 1 - thấp nhất, 2. - hơi thấp, 3. - trung bình, 4. - hơi cao và 5. - cao.

2. Đặc điểm ngữ âm tiếng Khmer, tiếng Việt và thanh điệu Việt đối với cá thể song ngữ Khmer - Việt

Do những điều kiện lịch sử - địa lí riêng, từ một gốc chung, tiếng Khmer và tiếng Việt đã trải qua những quá trình biến đổi khác nhau, dẫn đến những khác biệt trong cấu trúc ở hai ngôn ngữ. Trong quá trình tiếp xúc ngôn ngữ, những sự tương đồng và khác biệt trong hệ thống ngữ âm - âm vị học, từ vựng - ngữ nghĩa và ngữ pháp giữa Khmer và Việt làm nảy sinh các hiện tượng giao thoa ở các cá thể song ngữ khi tri nhận và sử dụng ngôn ngữ.

2.1. Tiếng Khmer

Tiếng Khmer mang những đặc điểm của ngôn ngữ cận âm tiết tính (sesquisyllabic), có đối lập về âm vực (register). Đơn vị từ vựng - hình thái học cơ bản trong ngôn ngữ này có thể gồm một âm tiết, hoặc “một âm tiết rưỡi” (sesquisyllable): âm tiết phụ + âm tiết chính. Khác với tiếng Việt, tiếng Khmer vẫn còn bảo lưu các phụ âm cuối /-ʔ, -h/ và quá trình vô thanh hóa phụ âm đầu không dẫn đến sự đối lập âm vị học về cao độ (pitch) của âm tiết - thanh điệu. Tính chất “âm vực” – kết quả của quá trình vô thanh hóa phụ âm đầu trong ngôn ngữ này – thể hiện ở sự đối lập 2 loạt nguyên âm: nguyên âm cao (mở hơn) vs. nguyên âm thấp (khép hơn). Do vậy, tiếng Khmer là một trong các ngôn ngữ nguyên âm tính điển hình, với số lượng từ 26 đến 31 âm vị nguyên âm, tùy từng phương ngữ.

2.2. Tiếng Việt

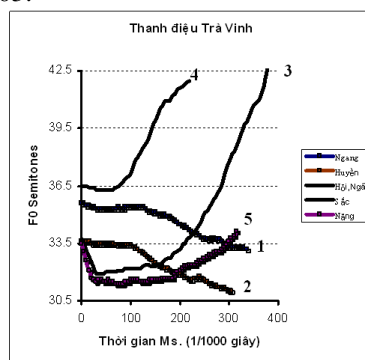
Tiếng Việt là ngôn ngữ âm tiết tính, có thanh điệu. Đơn vị từ vựng hình thái học cơ bản (còn gọi là *hình tiết*, *tiết vị* hay *tiếng*) thường chỉ gồm một âm tiết. Mỗi âm tiết mang một thanh điệu nhất định.

Trên cấp độ ngữ âm - âm vị học, sự khác biệt rõ nhất giữa tiếng Việt và tiếng Khmer ở chỗ: tiếng Việt có thanh điệu còn tiếng Khmer không có thanh điệu. Điều đó có nghĩa là, khi phát âm, nếu thay đổi cao độ (thay đổi tần số rung của dây thanh) và thay đổi cách tạo thanh (hoạt động các cơ ở thanh hầu) thì ở tiếng Việt sẽ dẫn đến các từ có ý nghĩa khác nhau, còn ở tiếng Khmer, thì không như vậy.

Trên chữ viết (chữ Quốc ngữ), tiếng Việt có 6 thanh điệu: không dấu (ngang), huyền, hỏi, ngã, sắc, nặng. Tiếng Việt phương ngữ Bắc Bộ có

đầy đủ 6 thanh. Tiếng Việt phương ngữ Nam Bộ chỉ có 5 thanh: thanh ngã và thanh hỏi được phát âm như nhau.

Dưới đây là hệ thống thanh điệu phương ngữ Nam Bộ (Trà Vinh). Đường nét F0 (tần số cơ bản) được tổng hợp bằng chương trình WINCECIL từ các phát ngôn của CTV Huỳnh T (nam, 40 tuổi, dân tộc Kinh, sinh trưởng ở Trà Vinh, tốt nghiệp đại học); sau đó, đồ thị diễn tiến cao độ (tính bằng semitones) trên hàm thời gian (tính bằng mili giây: 1/1000 giây) của các thanh điệu được xác lập bằng chương trình MS. Excel, 2003.



Hình 1. Thanh điệu Nam Bộ (Trà Vinh) do người bản ngữ phát âm

1 (ngang): 32; 2 (huyền): 21; 3 (hỏi - ngã): 315; 4 (sắc): 35; 5 (nặng): 212

Về mặt ngữ âm, thanh ngang được thể hiện như thanh xuất phát trung bình (3) đi xuống, kết thúc ở cao độ hơi thấp (2), chất giọng bình thường. Thanh huyền xuất phát hơi thấp (2), kết thúc thấp (1). Thanh hỏi - ngã xuất phát hơi thấp (2), đi xuống đến cao độ thấp nhất (1), sau đó lại đi lên, kết thúc cao (5); thanh sắc: xuất phát trung bình (3), đi lên, kết thúc cao (5). Thanh nặng: xuất phát hơi thấp (2), đi xuống đến cao độ thấp nhất (1), lại đi lên, kết thúc ở cao độ hơi thấp (2), thanh quán hóa giữa âm tiết.

Về mặt âm vị học, các thanh điệu trong hệ thanh điệu Nam Bộ (Trà Vinh) đối lập nhau theo các tiêu chí: a- đường nét biến đổi F0, b- âm vực và c- hiện tượng thanh quán hóa. Về đường nét, có các kiểu đường nét xuống (thanh ngang, huyền) vs. đường nét lên (thanh sắc) vs. đường nét xuống – lên (thanh hỏi - ngã và thanh nặng). Về âm vực, thanh ngang vs. huyền và thanh hỏi - ngã vs. thanh nặng theo tiêu chí cao vs. thấp.

Về chất giọng, các thanh ngang, huyền, sắc có chất giọng thường vs. chất giọng thanh quân hóa ở thanh hỏi - ngã và thanh nặng.

3. Thanh điệu Việt ở cá thể song ngữ Khmer - Việt

3.1. Việc tri nhận thanh điệu tiếng Việt

Khi làm việc với CTV là người Khmer và phân tích bằng cảm thụ thính giác tư liệu ghi âm các phát âm thanh điệu Việt của họ, chúng tôi đi đến nhận xét rằng, các CTV, không phụ thuộc vào trình độ văn hóa phổ thông (tốt nghiệp PTCS trở lên / không biết chữ Quốc ngữ), nghề nghiệp (làm ruộng / giáo viên tiểu học), nơi cư trú (nông thôn/ thị xã, thị tứ) giới (nữ / nam), đều nhận thấy có sự khu biệt giữa các từ tiếng Việt mang thanh điệu khác nhau. Đồng thời, trong phát âm của mình, họ cố gắng thể hiện những sự khác biệt mà họ tri nhận được. Điều này chứng tỏ rằng, thanh điệu tiếng Việt, tuy là một hiện tượng ngữ âm (phát âm) và chữ viết (ghi bằng các dấu thanh) không có trong bản ngữ của người Khmer, nhưng hiện nay, tương đối quen thuộc với cá thể song ngữ Khmer - Việt vùng Nam Bộ.

3.2. Khả năng phát âm thanh điệu Việt

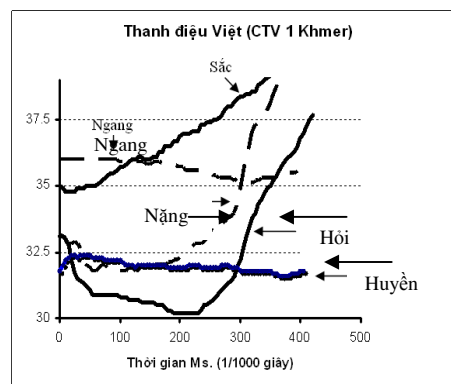
Nếu như đối với các cá thể song ngữ Khmer - Việt, thanh điệu Việt là hiện tượng tương đối quen thuộc, thì việc thể hiện (phát âm) các thanh này **đúng** và **chuẩn mực** lại khó khăn hơn. Để phát âm **đúng** thanh điệu người nói phải thể hiện được *nội dung âm vị học của từng thanh*, khiến người nghe nhận diện được các từ (hình tiết) mang thanh đó, chẳng hạn nhận diện sự khác biệt *ma ≠ mà ≠ má ≠ mã ≠ mạ*. Phát âm **chuẩn mực** thanh điệu đòi hỏi phải thể hiện không chỉ các tiêu chí âm vị học, mà cả các tiêu chí ngữ âm của thanh đó, khiến người nghe cảm nhận thanh đó như (hoặc gần như) do người bản ngữ phát âm. Ví dụ, việc phát âm “chuẩn mực” thanh Nặng (Nam Bộ) đòi hỏi người nói (tiếng Việt Nam Bộ không phải là bản ngữ) phải phát âm “đúng” thanh này theo các tiêu chí âm vị học: đường nét xuống- lên, thấp, thanh quân hóa; đồng thời phải thể hiện “đủ” các nét ngữ âm của thanh Nặng (Nam Bộ): xuất phát ở cao độ hơi thấp, đi xuống đến cao độ thấp nhất, đổi hướng đi lên, toàn bộ thanh được hiện thực ở vùng

(pitch range) thấp nhất trong không gian của hệ thanh điệu Việt Nam Bộ.

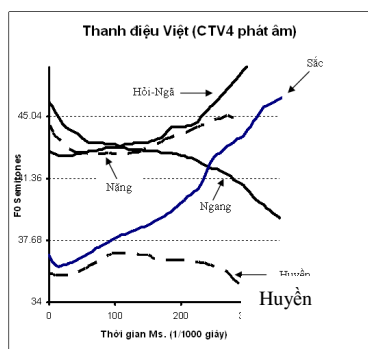
Tùy thuộc vào đặc điểm ngữ âm - âm vị học, mỗi thanh điệu có mức độ dễ/khó khác nhau trong việc thể hiện *đúng* và *chuẩn*.

Các thanh có đường nét một hướng, không có hiện tượng thanh quân hóa giữa âm tiết như thanh Ngang, Huyền, Sắc tiếng Việt Nam Bộ được người Khmer dễ dàng thể hiện *đúng* các tiêu chí âm vị học. Thanh Ngang luôn được thể hiện như thanh có đường nét đi ngang, hoặc hơi đi xuống, cao; còn thanh Huyền thường được phát âm như thanh đi ngang, hoặc hơi xuống, ở âm vực thấp hơn so với thanh Ngang. Tuy nhiên, từng thanh có thể được hiện thực hóa ngữ âm khác nhau ở các CTV. Ở CTV 1, thanh Ngang được phát âm như thanh có đường nét F0 [33], còn huyền như thanh có F0 [22]. (xem Hình 3: đồ thị F0 ở CTV1). Trong khi đó thanh Ngang và Huyền được CTV 4 phát âm như các thanh xuống [32] và [21]. (Xem hình 3: đồ thị F0 CTV4).

Thanh Sắc được cả 7 CTV phát âm đúng theo các tiêu chí âm vị học: đường nét lên. Tuy nhiên, về ngữ âm học, ở mỗi CTV thanh này có thể được phát âm khác nhau. Ở CTV 1, thanh Sắc có điểm xuất phát ở cao độ trung bình, đi lên, kết thúc cao, ghi [35]. Cách phát âm này gần với cách phát âm chuẩn tiếng Việt vùng Nam Bộ. Còn ở CTV 4 thanh này được xuất phát từ cao độ hơi thấp, đi lên, kết thúc cao độ hơi cao, ghi [24]. Rõ ràng cách phát âm này không thật “chuẩn” so với thanh Sắc vùng Nam Bộ.



Hình 2. Thanh điệu Việt (Nam Bộ) do CTV 1 phát âm



Hình 3. Thanh điệu Việt (Nam Bộ) do CTV 4 phát âm

Những cá thể song ngữ Khmer - Việt gặp khó khăn hơn trong việc phát âm “đúng” và “chuẩn” các thanh điệu có đường nét hai hướng (xuống-lên), thanh quán hóa như thanh hỏi - ngã và nặng. Trong 7 CTV được khảo sát chỉ có 2 người phát âm gần đúng thanh hỏi - ngã và nặng. Bằng cảm thụ thính giác, người nghe có thể nhận ra sự khác biệt giữa thanh hỏi - ngã và Nặng trong cách phát âm của CTV4 và CTV2, nhưng không nhận diện được sự phân biệt giữa 2 thanh này ở các phát ngôn của 5 CTV còn lại. Đường nét F0 thanh hỏi - ngã và nặng ở các cá thể song ngữ này hoàn toàn (hoặc gần) trùng nhau. Trường hợp CTV1 (xem Hình 2), toàn bộ đường nét F0 (điểm xuất phát, điểm thấp nhất và kết thúc) của thanh Nặng lại được thể hiện cao hơn F0 của thanh hỏi - ngã. Phân tích thông số âm học các phát ngôn thanh điệu của hỏi - ngã và nặng ở CTV 4 và CTV 2 cho phép chúng ta đi đến nhận xét rằng sự khác biệt giữa 2 thanh này chỉ ở nửa cuối âm tiết và điểm kết thúc thanh Nặng thấp hơn thanh hỏi - ngã, còn đặc điểm ngữ âm (F0 và thanh quán hóa) ở nửa đầu âm tiết 2 thanh gần như trùng nhau (xem Hình 3).

4. Thanh điệu tiếng Việt và lỗi chính tả về dấu thanh của học sinh Khmer

Những khác biệt giữa tiếng Khmer và tiếng Việt dẫn đến những chuyển di tiêu cực, gây nên những khó khăn, những lỗi trong phát âm và viết chính tả tiếng Việt của học sinh Khmer.

Theo kết quả khảo sát của Phan Trần Công về các lỗi chính tả lẫn dấu thanh của học sinh Khmer lớp 5 và lớp 9 (xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng), sự phân bố 100 lỗi như sau:

	Ngang	Huyền	Hỏi	Ngã	Sắc	Nặng
Ngang		7			10	
Huyền	4					
Hỏi				16		9
Ngã			21			3
Sắc						
Nặng		6	14	5		

Từ tư liệu trên, có thể rút ra một số nhận nhận xét về khả năng tri nhận thanh điệu Việt (qua cách phát âm Nam Bộ) ở cá thể song ngữ Khmer - Việt là học sinh phổ thông.

(1) Các lỗi chính tả liên quan đến cả 6 thanh điệu. Sự nhầm lẫn các dấu theo 10 cặp: ngang > huyền, huyền > ngang, ngang > sắc, hỏi > ngã, hỏi > nặng, ngã > hỏi, nặng > huyền, nặng > hỏi, nặng > ngã. Thực tế này chứng tỏ, không phụ thuộc vào đặc điểm ngữ âm-âm vị học của mỗi thanh điệu, việc tri nhận (nghe, nhận diện) mỗi một trong cả 6 thanh tiếng Việt là vấn đề khó khăn đối với học sinh Khmer. Những khó khăn, lầm lẫn trong việc tri nhận, trong việc phát âm dẫn đến những lỗi trong việc sử dụng (viết chính tả) các dấu thanh.

(2) Xét theo số lỗi liên quan đến từng thanh, chúng ta có trật tự từ cao đến thấp như sau: 1a - hỏi (25%), 1b - nặng (25%), 2 - ngã (24%), 3 - ngang (7%), 4 - huyền (4%), 5 - sắc (0). Thứ tự trên phản ánh mức độ khó trong việc tri nhận các đặc điểm ngữ âm - âm vị học của từng thanh điệu tiếng Việt (qua cách phát âm giọng Nam Bộ).

(3) Xét theo các tiêu chí âm vị học, sự nhầm lẫn cặp ngang > huyền 7%, huyền > ngang 4%, và nặng > hỏi 14%, hỏi > nặng 9%, nặng > ngã 5%, ngã > nặng 3 %, (tổng số 31%) chứng tỏ rằng cá thể song ngữ (học sinh) Khmer - Việt gặp khó khăn trong việc tri nhận sự khu biệt về âm vực các thanh điệu Việt. Sự khác biệt về đường nét cũng không dễ dàng đối với học sinh mới học tiếng Việt (10% nhận diện lẫn ngang (đường nét ngang) > sắc (đường nét lên)).

(4) Trong số các lỗi dấu thanh, lỗi liên quan đến hỏi và ngã chiếm tỉ lệ cao nhất (37%), trong đó, ngã > hỏi (21%) và hỏi > ngã (16%). Thật ra, lỗi lẫn lộn giữa hỏi và ngã không chỉ có ở học sinh Khmer mà cả học sinh người Việt, do tiếng Nam Bộ không phân biệt thanh ngã và hỏi.

(5) Sau lỗi liên quan đến cặp thanh hỏi - ngã, lỗi liên quan đến cặp thanh nặng-hỏi có tỉ lệ khá cao: 25%, trong đó lỗi chủ yếu: nặng > hỏi 14%.

Như đã miêu tả ở trên, trong hệ thanh Nam Bộ, hỏi - ngã và nặng đều có đường nét uốn (xuống-lên), thanh quân hóa, sự khu biệt giữa chúng theo tiêu chí âm vực: thanh hỏi âm vực cao vs. thanh nặng âm vực thấp. Về mặt phát âm, như đã nhận xét ở trên, các cá thể song ngữ Khmer - Việt gặp khó khăn trong việc phát âm “đúng” và “chuẩn” thanh hỏi - ngã và nặng. Trong 7 CTV được chúng tôi khảo sát chỉ có 2 người phát âm gần đúng hai thanh này. Học sinh Khmer Sóc Trăng cũng không phát âm phân biệt được thanh hỏi - ngã và nặng. Về khả năng phát âm các thanh hỏi, ngã của học sinh Khmer, Phan Trần Công nhận xét: “Đặc biệt thanh hỏi và thanh ngã phát âm thành một thanh có âm vực thấp với đường nét hơi đi xuống, hơi đi lên về cuối, không gãy, gần như thanh nặng của phương ngữ Nam Bộ” (Phan Trần Công 2003: 436).

Tài liệu tham khảo

1. Barker, Colin 1996, *Foundation of Bilingual Education and Bilingualism*. Clevedon, UK: Bath Press.
2. Cao Xuân Hạo, Lê Minh Trí 2005, *Tiếng Sài Gòn và cách phát âm của các phát thanh viên HTV*. Trong Nguyễn Kiên Trường (chủ biên). Tiếp xúc ngôn ngữ ở Việt Nam. Hà Nội: Khoa học Xã hội. tr 153-227.
3. Diffloth, Gerard 2003, *Tiếng Khmer*. Trong *Phát triển giáo dục vùng dân tộc Khmer Nam Bộ*. TP HCM: Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, tr. 439-452.
4. Đinh Lê Thư (chủ biên) 2005, *Vấn đề giáo dục vùng đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long*. TP HCM: Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
5. Đoàn Thiện Thuật 1977, *Ngữ âm tiếng Việt*. Hà Nội: Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
6. Hoàng Thị Châu 2004, *Phương ngữ học tiếng Việt*. Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Hoffmann Charlotte 1991, *An Introduction to Biligualism*. London and New York: Longman.
8. Ladefoged Peter & Ian Madieson 1996, *The Sounds of the World's Languages*. Oxford: Blackwell Publishers.
9. Ladefoged, Peter 2003, *Phonetic Data Analysis: An Introduction to Fieldwork and Instrumental Techniques*. Oxford: Blackwell Publishers.
10. Nguyễn Thị Huệ 2008, *Một số dấu hiệu về tiếp xúc ngôn ngữ Việt Khmer tại tỉnh Trà Vinh*. *Tạp*

chí Khoa học. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, s. 3, tr 76-86.

11. Nguyễn Văn Huệ 2005, *Một số đặc điểm ngữ âm của tiếng Sài Gòn*. Trong Trần Thị Ngọc Lang (chủ biên). Một số vấn đề về phương ngữ xã hội. Hà Nội: Khoa học Xã hội, tr. 113-125.

12. Nhiều tác giả 2003, *Phát triển giáo dục vùng dân tộc Khmer Nam Bộ*. TP HCM: Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

13. Phan Trần Công 2003, *Những lỗi chính tả thường mắc của học sinh người Khmer khi viết tiếng Việt*. Trong *Phát triển giáo dục vùng dân tộc Khmer Nam Bộ*. TP HCM: Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr. 426-438.

14. Thompson, Laurence C. 1965, *A Vietnamese Grammar*. Seattle: University of Washington Press.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-11-2008)

Tin tức hoạt động

PHONG TẶNG “DANH HIỆU” NHÀ GIÁO NHÂN DÂN VÀ “NHÀ GIAO ƯU TÚ” NĂM 2008

Ngày 17 tháng 11 năm 2008, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Quyết định số 1641/QĐ-CTN và số 1642/QĐ-CTN phong tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân” và “Nhà giáo ưu tú” cho các nhà giáo thuộc tất cả các ngành, trong đó có ngành Ngôn ngữ học. Sau đây là danh sách cụ thể các vị được phong tặng thuộc ngành Ngôn ngữ học:

- Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”: GS.TS Nguyễn Tài Cẩn, GS.TS Đinh Văn Đức, GS.TS Nguyễn Thiện Giáp, GS.TS Hoàng Trọng Phiến, PGS.TS Trần Hữu Mạnh, GS.TS Nguyễn Lai.

- Danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”: GS.TS Lê A, Ông Nguyễn Trí Chỉ, GS.TS Nguyễn Cao Đàm, PGS.TS Nguyễn Xuân Hoà, Ông Trần Hưng, Ông Nguyễn Xuân Lương, Ông Đặng Đình Thường, Ông Nguyễn Cẩm Tiêu, PGS.TS Phan Văn Quế, GS.TS Hoàng Văn Vân.

Nhân dịp này, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam và Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống* nhiệt liệt chúc mừng và chúc sức khoẻ tất cả các nhà giáo!

(Nguồn: ĐHQGHN)

**Hội Ngôn ngữ học Việt Nam
Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống**